

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giấy công suất 30 triệu đôi đế/năm tại xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy chế tạo thép hình thành dự án Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giấy tại xã Hà Bình, huyện Hà Trung;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giấy công suất 30 triệu đôi đế/năm tại xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 14/9/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 05/CVMT-MT ngày 04/9/2019 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1088/Tr-STNMT ngày 23/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giấy, công suất 30 triệu đôi đế/năm tại xã

Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hà Trung, Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giấy, công suất 30 triệu đôi
đế/năm tại xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty
TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin dự án

Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giấy, công suất 30 triệu đôi đế/năm tại xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- *Chủ dự án:* Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam

+ Người đại diện: Ông Chuang Shou Tung; Chức vụ: Chủ tịch

+ Điện thoại: 0986.667.787

+ Địa chỉ: Thôn Vực Phác, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

- *Quy mô, công suất dự án*

+ Các hạng mục công trình: Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án là 41.629 m²; bao gồm các hạng mục công trình: 01 Nhà xưởng sản xuất (14.700m²); 01 nhà hợp khối (nhà kho, nhà xe, nhà chứa rác, nhà kỹ thuật điện; 10.000m²); các hạng mục công trình phụ trợ: nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, bể nước phòng cháy chữa cháy, bể nước sinh hoạt; công trình bảo vệ môi trường: khu vực xử lý nước thải, tập kết chất thải,... và các công trình phụ trợ khác.

+ Công suất sản xuất của dự án: 30 triệu đôi đế/năm.

2. Các tác động môi trường chính của dự án

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực Nhà máy khoảng 0,218 m³/s. Thành phần chất ô nhiễm chủ yếu: chất rắn lơ lửng.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân ngày lớn nhất khoảng 117 m³/ngày (nước rửa tay chân, tắm giặt 46,8 m³/ngày.đêm; nước thải nhà vệ sinh 70,2 m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu: Tổng chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ quá trình vệ sinh dụng cụ pha chế hóa chất khoảng 10 m³/ngày; thành phần chủ yếu: Chất thúc đẩy, chất chống dính, chất chống lão hóa, keo màu, dầu,... Nước thải từ quá trình xử lý khí thải của lò dầu truyền tải nhiệt phát sinh khoảng 10 m³/ngày; thành phần chủ yếu: bùn cặn, Ca(OH)₂, CaCO₃...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất chủ yếu phát sinh từ công đoạn luyện cao su, ép cao su; cắt viên, mài thô sản phẩm; từ hoạt động đốt nhiên liệu của lò dầu tải nhiệt; phương tiện ra vào dự án; hoạt động của hệ thống xử lý khí thải. Thành phần chủ yếu: bụi cao su, NO₂, SO₂, CO, NH₃, hơi dung môi,...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 780,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...;
- Chất thải rắn sản xuất phát sinh khoảng 10.123,5 kg/ngày; xỉ từ quá trình đốt lò dầu truyền tải nhiệt khoảng 480 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Đầu mẫu vải, da, nhựa, cao su thừa; vải vụn, vỏ thùng carton, giấy, gỗ, túi nilon, tro,...
- Ngoài ra, còn có lượng bùn thải từ hệ thống XLNT và chất thải rắn từ hoạt động chỉnh trang cảnh quan và vệ sinh môi trường.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, bóng đèn....khối lượng khoảng 200 kg/năm.
- Dầu thải bảo dưỡng máy móc, thiết bị ... khối lượng khoảng 200 lít/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà, sân đường trong khuôn viên thu gom bằng hệ thống mương rãnh xung quanh các khu nhà, sân đường nội bộ → hố ga → mương tiêu thoát nước của khu vực → kênh Chiếu Bạch.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải rửa chân tay → mương rãnh → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → đường ống thoát nước thải của Công ty → kênh Chiếu Bạch.

+ Nước thải vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) → bể tự hoại 03 ngăn (01 bể loại 150m³/bể; 02 bể loại 200 m³/bể) → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy, công suất 400 m³/ngày → đường ống thoát nước thải của Nhà máy → kênh Chiếu Bạch.

- Nước thải sản xuất → mương rãnh → trạm xử lý sơ bộ nước thải sản xuất của Nhà máy, công suất 50 m³/ngày → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy, công suất 400 m³/ngày → đường ống thoát nước thải của Nhà máy → kênh Chiếu Bạch.

+ Quy trình công nghệ của Trạm xử lý nước thải sản xuất của Nhà máy, công suất 50 m³/ngày đêm: Nước thải sản xuất → bể thu gom → bể khuấy nhanh → bể keo tụ → bể lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy, công suất 400 m³/ngày.đêm.

+ Quy trình công nghệ của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày.đêm: Nước thải → Bể thu gom, máy sàng rác tinh → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể khử Nitơ → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng nghiêng → Bể chứa nước đầu ra → Bồn lọc cát → Bể lọc than → Bể chứa nước sau xử lý (để tái sử dụng, một phần thải ra môi trường).

Nước thải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường:

QCVN 40:2011/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:
 - + Khu vực luyện, ép cao su và phụ liệu: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực luyện, ép cao su và phụ liệu → chụp hút mùi → quạt hút mùi → tháp xử lý (gồm các lớp hấp phụ bằng than hoạt tính) → thải ra môi trường.
 - + Khu vực cắt viên, mài thô: Tại các máy mài, cắt viên → chụp hút bụi → quạt hút bụi → xyclon khô → thải ra môi trường.
 - + Khu vực lò dầu truyền tải nhiệt: Khí thải từ quá trình đốt nguyên liệu (trấu, mùn cưa viên nén) → hệ thống xyclon khô → hệ thống xyclon màng nước → thải ra môi trường qua ống thải cao 14m.
- Đối với hoạt động của các phương tiện ra, vào nhà máy: Các phương tiện vận chuyển, ra, vào Nhà máy được bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đúng quy định; lắp đặt hệ thống thông gió công nghiệp tại các nhà kho, nhà xưởng làm việc; trồng cây xanh khu vực khuôn viên Nhà máy.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào 40 thùng có nắp đậy ($V=40$ lít/thùng) đặt tại các nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn công nhân trước khi tập kết vào 10 xe đẩy tay ($V=0,5 \text{ m}^3/\text{xe}$) đặt tại kho chứa rác thải sinh hoạt (diện tích 75 m^2) tại phía Nam khu đất dự án; định kỳ 2 ngày/lần, Nhà máy hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.
- Chất thải rắn sản xuất:
 - + Dầu mẫu vải, da, cao su thừa, vải vụn, nilon,... được thu gom, tập trung về kho chứa rác thải (có diện tích $108,4 \text{ m}^2$) tại phía Nam khu đất dự án; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
 - + Giấy bìa catton, nhựa,... được thu gom bán phế liệu.
 - + Tro xỉ được đóng bao, tập kết ra bãi chứa (diện tích khoảng 50 m^2) cạnh khu vực lò dầu tải nhiệt; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
 - + Bùn thải từ trạm xử lý sơ bộ nước thải sản xuất và từ hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy được thu gom và phân loại ngay tại nguồn, sau đó đưa về kho chứa CTR nguy hại đặt trong nhà

kho chứa riêng có diện tích 50m² cạnh kho chứa chất thải rắn sản xuất của Nhà máy. Trong kho bố trí 04 thùng (thể tích 0,5 m³/thùng), thùng kín, có nắp đậy, dán nhãn cụ thể nhóm loại chất thải nguy hại. Định kỳ, hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Vỏ thùng đựng hóa chất được thu gom và lưu giữ tại nhà kho lưu giữ CTNH sau đó trả lại cho đơn vị cung cấp theo hợp đồng kinh tế.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, nhiệt độ:

- Sử dụng dây chuyền thiết bị hiện đại và đồng bộ, thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị đảm bảo điều kiện hoạt động tốt nhất;
- Đặt máy móc thiết bị trên các bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su, đệm cát để tăng cường thêm khả năng cách ly chấn động;
- Lắp đặt hệ thống thông gió đảm bảo lưu thông không khí, thông thoáng nhà xưởng và các khu vực làm việc, sản xuất;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp tại Nhà máy; bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi cho công nhân của các xưởng có độ ồn cao.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý chất thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý chất thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý chất thải.
- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định; xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy;
- Phương án phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.
- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ K1: Tại trung tâm khu vực xưởng sản xuất (*Thông số giám sát: vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn); bụi tổng; SO₂; NO₂; CO, NH₃, H₂S, Benzen, Toluen, Phenol, Methylene Chloride, Methylphenol*).

+ K2: Tại ống khói lò dầu truyền tải nhiệt trước khi thải ra môi trường (*Thông số giám sát: bụi tổng, CO, SO₂, NO₂*).

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

b. Giám sát chất lượng nước thải

- Chỉ tiêu phân tích: Nhiệt độ, pH, COD, BOD₅, TSS, Sunfua (tính theo H₂S, NH₄⁺, NO₃⁻, tổng P, Dầu mỡ động, thực vật, Coliform.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí giám sát gồm:

+ NT1: Nước thải đầu vào hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy.

+ NT2: Nước thải sau xử lý tại hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c. Giám sát chất thải rắn

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định;

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định. /.